

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày 02 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Đình Thuận**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm**;

2. Bà **Hoàng Thị Xoan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Đình Anh Vũ** – là thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông **Trần Văn Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Phan Văn T** (HN), sinh năm: 1970; nơi cư trú: 61 thôn NH 2, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị B; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/8/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Ngày 02/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 05 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 06 tháng 09 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm xử phạt 24 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt là 36 tháng tù. Ngày 30/8/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 18/7/2017 đến ngày 01/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2/ **Trần Phương L**, sinh năm: 1973; nơi cư trú: thôn QL, xã QL, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 04 con; tiền án: không; tiền sự: vào ngày 07/12/2016 bị công an huyện ĐD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, đã nộp phạt; nhân thân: ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 30/8/2012 chấp hành xong hình phạt, đã

được xóa án tích; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 17/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3/ **Lý A P (B)**, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ dân phố NĐ, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý A S (đã chết) và bà Trần X (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án: ngày 10/3/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Ngày 03/8/2017 đã thi hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; tiền sự: không. (Có mặt)

4/ **Phu Huy X**, sinh năm: 1978; nơi cư trú: số 215 xóm 4, thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phu A S và bà Vòng Nhất M; có vợ và 05 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 24/3/2017 bị công an huyện ĐD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt. (Có mặt)

5/ **Trần Nguyễn Thùy D**, sinh năm: 1987; nơi cư trú: thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim K và bà Nguyễn Thị T; có chồng (đã chết) và 02 con; tiền án: ngày 22/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 5.000.000 đồng về tội “đánh bạc”. Ngày 25/8/2016 đã thi hành xong nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự: không. (Có mặt)

6/ **Phạm Thị TH**, sinh năm: 1983; nơi cư trú: thôn TH, xã HA, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị T; có chồng và 04 con; tiền án: ngày 15/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện ĐT xử phạt 13.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 12/5/2016 còn số tiền 13.000.000 đồng chưa chấp hành hình phạt nên chưa được xóa án tích; tiền sự: không. (Có mặt)

7/ **Lê Quang H (T)**, sinh năm: 1989; nơi cư trú: 35 đường 2 tháng 4, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang H (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 24/9/2015 bị Tòa án nhân dân xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” và đã chấp hành xong hình phạt; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 07/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

8/ **Khổng Lệnh S (Kéo)**, sinh năm: 1972; nơi cư trú: 49 thôn NH 2, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Tường M (đã chết) và bà Hoàng Sau D; có chồng (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “đánh bạc”. Ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội “đánh bạc”. Ngày 13/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện ĐD xử phạt 09 tháng tù về tội “đánh bạc”, tổng hợp hình phạt của bản án ngày 23/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù về tội

“Đánh bạc”. Ngày 26/9/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của bản án ngày 23/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 33 tháng tù về tội đánh bạc. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 07/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

9/ **Phùng Thị Kim N**, sinh năm: 1970; nơi cư trú: thôn NH 2, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Tế (đã chết) và bà Phùng Thị Nhã; có chồng và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 10/7/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

10/ **Nguyễn Thanh S1 (T)**, sinh năm: 1980; nơi cư trú: số 271, thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Đặng Thị N (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 17/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

11/ **Sín Kay D1 (Sáng)**, sinh năm: 1969; nơi cư trú: thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sín H và bà Quay L (đã chết); có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 17/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

12/ **Vũ Thị T1**, sinh năm: 1975; nơi cư trú: số 08 thôn 3, xã Đa Ròn, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có chồng và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không. (Có mặt)

13/ **Nguyễn Thị Tuyết A**, sinh năm: 1976; nơi cư trú: số 113 thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Trương Thị H (đã chết); có chồng và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 07/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

14/ **Phạm Thế D2**, sinh năm: 1982; nơi cư trú: thôn Giản Dân, xã Lạc Xuân, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; ; trình độ văn hóa: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế D và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 17/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

15/ **Nguyễn Văn S1(H)**, sinh năm: 1957; nơi cư trú: thôn Ta Ly 1, xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ, không có con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/5/2017 đến ngày 25/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phạm Thị C, sinh năm: 1972; địa chỉ: thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

2/ Trần Thị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

3/ Thái Thị T1, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn NH 1, xã KĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

4/ Hồ Văn Đ, sinh năm: 1987; địa chỉ: thôn QT, xã QL, huyện ĐĐ, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 sáng ngày 28/5/2017, Phan Văn T nhờ anh Hồ Văn Đ đến đòi thông Cáp Tùng - thôn Ta Ly 2, xã KĐ, huyện Đơn Dương để ban đất, trải bạt chuẩn bị địa điểm cho việc đánh bạc. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Phan Văn T nhờ một số người (không rõ nhân thân, lai lịch) chở các con bạc đến sông bạc để tham gia đánh bạc. T quy định tại sông bạc nếu đánh bạc bằng hình thức đánh chắn - lễ thì người tham gia đánh bạc phải đặt cược tối thiểu là 1.000.000 đồng trở lên, nếu đánh Sen cô thì người tham gia phải đặt cược tối thiểu là 50.000 đồng, không quy định mức tối đa. Kết quả, nếu ván nào ra bốn mặt cùng màu (bốn mặt trắng hoặc bốn mặt đen) thì người thắng bạc ván đó phải đóng tiền xâu cho T theo tỷ lệ cứ 1.000.000 đồng tiền thắng bạc phải đóng 50.000 đồng tiền xâu. Trước khi tham gia đánh bạc, T bàn bạc thống nhất với Trần Phương L, Phu Huy X, Lý A P cùng làm cái Sen cô, nếu thắng hoặc thua thì chia đều tiền cho cả bốn người. T bảo Sín Kay D1 xóc cái. T làm Hồ lý và cân tiền trên sông bạc, thu tiền xâu. Trần Phương L, Phu Huy X, Lý A P làm cái Sen cô. Các con bạc bắt đầu tham gia đánh bạc từ khoảng 14 giờ 30 phút đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì công an bắt quả tang các đối tượng Trần Phương L, Phạm Thị TH, Vũ Thị T1, Lê Quang H, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S đang đánh bạc thắng thua bằng tiền. Các đối tượng Phan Văn T, Phu Huy X, Lý A P và một số người khác chạy thoát. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 50.200.000 đồng và các dụng cụ để đánh bạc bao gồm: 04 chén nhựa màu trắng, 02 đĩa sứ màu trắng, 04 con vị, 01 búa cán gỗ, 01 thớt gỗ màu vàng, 01 ống sắt màu đen, 01 bộ bài Tú lơ khơ, 25 ghế nhựa, 03 tấm bạc, 01 rựa phát, 01 xà bách.

Quá trình điều tra xác định trung bình mỗi ván có khoảng 10 đến 30 người tham gia đánh bạc. Số tiền trung bình mỗi ván trên chiếu bạc hơn 10.000.000 đồng. Bị cáo T thu được khoảng 4.000.000 đồng tiền xâu nhưng khi Công an bắt quả tang bị cáo đã vứt số tiền xâu xuống chiếu bạc và bỏ chạy.

Quá trình điều tra, thu giữ trên người các con bạc và số tiền các con bạc nộp lại là 65.050.000 đồng. Trong đó của Phạm Thị TH 3.000.000 đồng, Lê Quang H 9.000.000 đồng, Trần Nguyễn Thùy D 2.200.000 đồng, Nguyễn Thanh S1 10.160.000 đồng, Nguyễn Văn S1 9.000.000 đồng, Trần Phương L 4.100.000 đồng, Phùng Thị Kim N 590.000 đồng, Sín Kay D1 20.000.000 đồng, Khổng Lệnh S 4.400.000 đồng, Lý A P nộp lại 500.000 đồng, Phan Văn T nộp lại 1.000.000 đồng, Phu Huy X nộp lại 1.100.000 đồng. Số tiền trên các bị cáo mang theo để đánh bạc. Tổng số tiền bị thu giữ

là 115.250.000 đồng.

Bị cáo Lê Quang H mang vào sòng bạc 10.000.000 đồng, đã sử dụng 10.000.000 đồng để tham gia đánh bạc riêng với bị cáo Vũ Thị T1 bằng hình thức đánh Sen cô 02 ván, mỗi ván 500.000 đồng. Bị cáo Hiệp thắng được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo Hiệp sử dụng để đánh bạc riêng với bị cáo Vũ Thị T1 là 11.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Lý A P, Trần Phương L, Phạm Thị TH, Vũ Thị T1, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Không Lệnh S sử dụng để đánh bạc là 104.250.000 đồng.

Bản cáo trạng số 61/KSĐT ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Phan Văn T, Trần Phương L, Lý A P, Phu Huy X về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Phạm Thị TH, Vũ Thị T1, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1 Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Không Lệnh S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lê Quang H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận về toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn tham gia sát phạt nhau bằng tiền nhằm thu lợi bất chính cho bản thân. Do đó, hành vi của các bị cáo Phan Văn T, Trần Phương L, Lý A P, Phu Huy X đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”. Hành vi của các bị cáo Phạm Thị TH, Vũ Thị T1, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1 Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Không Lệnh S, Lê Quang H đã đủ yếu tố cấu thành tội “đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 249, khoản 3; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; Xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 12 đến 15 tháng tù; Phạt tiền bổ sung từ 17.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, các điểm điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Phương L từ 06 đến 09 tháng tù; Phạt tiền bổ sung từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, các điểm điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phu Huy X 06 tháng đến 09 tháng tù, Phạt tiền bổ sung từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm điểm b, p khoản 1,2 Điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lý A P từ 12 tháng đến 15 tháng tù, phạt tiền bổ sung từ 15.000.000 đồng

đến 17.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, Khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Thùy D từ 30 đến 36 tháng tù, phạt tiền bổ sung từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thị TH từ 30 đến 36 tháng tù; phạt tiền bổ sung từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, các điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Khổng Lành S từ 24 đến 30 tháng tù; phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phùng Thị Kim N từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng; Phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Sín Kay D1 từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng; phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1, khoản 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53; Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S1 từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng; phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng;

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ Thị T1 từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 đến 60 tháng; Phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thế D2 từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng; Phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S1 từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng; Phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 2, 3 Điều 248, Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A từ 24 đến 30 tháng tù; phạt tiền bổ sung từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Quang H 12.000.000 đồng đến 15.000. 000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 115.250.000 đồng.

Tịch thu tiêu huỷ 04 chén nhựa màu trắng, 02 đĩa xú màu trắng, 04 con vị, 01 búa cán gỗ, 01 thớt gỗ màu vàng, 01 ống sắt màu đen, 01 bộ bài Tú lơ khơ, 25 ghế nhựa, 03 tấm bạc, 01 rựa phát, 01 xà bách.

Các bị cáo không có ý kiến gì về mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đơn Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Bị cáo Phan Văn T khai nhận: Khoảng 09 giờ sáng ngày 28/5/2017, bị cáo nhờ anh Hồ Văn Đ đến đòi thông Cáp Tùng, thôn Ta Ly 2, xã KĐ để ban đất, trái bạt chuẩn địa điểm đánh bạc. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo nhờ một số người không rõ lai lịch chở các con bạc đến sông bạc để tham gia đánh bạc. Bị cáo quy định kết quả ván nào ra bốn mặt cùng màu thì người thắng bạc ván đó phải đóng tiền xâu cho bị cáo theo tỷ lệ cứ 1.000.000 đồng tiền thắng phải đóng 50.000 đồng tiền xâu. Trước khi tham gia đánh bạc, bị cáo bàn bạc và thống nhất cùng với các bị cáo Trần Phương L, Phu Huy X, Lý A P cùng làm cái Sen cô, nếu thắng hoặc thua thì chia đều tiền cho cả bốn người. Bị cáo bảo Sín Kay D1 xóc cái còn bị cáo làm Hồ lý, cân tiền trên sông và thu tiền xâu; các bị cáo L, X, P làm cái Sen cô. Các con bạc bắt đầu tham gia đánh bạc từ khoảng 14 giờ 30 phút đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì Công an bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 50.200.000 đồng và các dụng cụ để đánh bạc. Trung bình mỗi ván có khoảng 10 đến 30 người tham gia đánh bạc. Số tiền trung bình mỗi ván trên chiếu bạc hơn 10.000.000 đồng. Bị cáo thu được khoảng 4.000.000 đồng tiền xâu nhưng khi công an bắt quả tang bị cáo đã vớt số tiền xâu xuống chiếu bạc và bỏ chạy. Sau đó bị cáo ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Bị cáo T sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức làm chủ cái Sen cô cùng với các bị cáo L, X và P.

Các bị cáo Trần Phương L, Phu Huy X và Lý A P xác nhận lời khai của bị cáo T là đúng. Chiều ngày 28/5/2017, các bị cáo đã quản lý bàn Sen cô và thống nhất với bị cáo T nếu thắng hoặc thua thì chia đều tiền cho cả bốn người. Bị cáo L sử dụng 3.600.000 đồng, bị cáo X sử dụng 600.000 đồng, bị cáo P sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức làm chủ cái quản lý bàn Sen cô. Quá trình điều tra các bị cáo đã nộp lại số tiền trên cho cơ quan điều tra. Ngoài ra, khi đánh bạc, bị cáo L thắng 1.000.000 đồng và đưa cho bị cáo X cất giữ. Khi bỏ chạy, bị cáo X mang

theo 1.000.000 đồng. Sau này bị cáo X đưa cho bị cáo L 500.000 đồng, số tiền này bị cáo L và bị cáo X đã tiêu xài hết và sau đó các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 1.000.000 đồng này cho cơ quan điều tra.

Các bị cáo Sín Kay D1, Trần Nguyễn Thùy D, Phạm Thị TH, Khổng Lệnh S, Vũ Thị T1, Phạm Thế D2, Nguyễn Thanh S1, Lê Quang H, Nguyễn Thị Tuyết A, Nguyễn Văn S1 đều khai nhận chiều ngày 28/5/2017 có tham gia đánh bạc tại sòng bạc do bị cáo Phan Văn T tổ chức.

Bị cáo Sín Kay D1 mang theo 6.000.000 đồng. Bị cáo vừa xóc cái và vừa tham gia đặt cược nhiều ván với toàn bộ số tiền trên. Trung bình mỗi ván đặt từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang. Bị cáo thắng được 14.000.000 đồng và bị cơ quan công an thu giữ 20.000.000 đồng;

Bị cáo Trần Nguyễn Thùy D mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 4.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo đánh bạc thua. Khi công an bắt quả tang đã thu giữ của bị cáo số tiền 2.200.000 đồng;

Bị cáo Phạm Thị TH mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 4.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, bị cáo đặt 01 ván với số tiền 1.000.000 đồng và bị thua. Khi đang chơi bị thua thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo số tiền 3.000.000 đồng;

Bị cáo Khổng Lệnh S mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo đánh nhiều ván. Khi đang chơi thắng thì bị công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo số tiền 4.400.000 đồng;

Bị cáo Vũ Thị T1 mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc nhiều ván chắn lẻ và đánh Sen cô với bị cáo Hiệp 02 ván đã thua Hiệp 1.000.000 đồng thì không đánh nữa và đứng xem thì bị công an bắt quả tang thu giữ của bị cáo 2.000.000 đồng;

Bị cáo Phạm Thế D2 mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 4.700.000 đồng để tham gia đánh bạc, bị cáo đặt nhiều ván chắn lẻ, chơi Sen cô thua hết tiền nên ngồi xem thì bị công an bắt quả tang;

Bị cáo Nguyễn Thanh S1 mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 9.160.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo đặt nhiều ván chắn lẻ với số tiền đặt cược từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Khi đang thắng thì bị công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo số tiền 10.160.000 đồng. Bị cáo đánh thắng 1.000.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A mang theo khoảng 10.000.000 đồng. Bị cáo xác định chỉ có mục đích sử dụng 400.000 đồng để đánh 02 ván Sen cô nên sau khi thua hết 400.000 đồng thì không chơi nữa, khi đứng xem đã bị công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo số tiền 9.750.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn S1 mang theo và có mục đích sử dụng toàn bộ 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo đang đánh thắng thì Công an bắt quả tang, thu của bị cáo số tiền 9.000.000 đồng. Bị cáo thắng được 4.000.000 đồng;

Bị cáo Phùng Thị Kim N mang theo 8.000.000 đồng và xác định chỉ sử dụng 500.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo đang đánh thắng thì công an bắt quả tang, thu của bị cáo 8.090.000 đồng. Bị cáo thắng được 100.000 đồng;

Bị cáo Lê Quang H mang theo số tiền 10.000.000 đồng. Khi bị cáo Tâm rủ bị cáo H chơi Sen cô thì bị cáo H đồng ý và có ý định sử dụng toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng mang theo để tham gia đánh bạc cùng với bị cáo Tâm. Bị cáo đánh thắng 02 ván được 1.000.000 đồng từ bị cáo Tâm thì bị công an vào bắt quả tang.

Thu giữ của bị cáo H 9.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.000.000 đồng, bị cáo khai khi công an bắt, bị cáo bỏ chạy bị rơi ở đâu không rõ.

Kết quả điều tra xác định được tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 115.250.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Trần Phương L, Lý A P phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S, Phạm Thị TH, Trần Nguyễn Thùy D phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; bị cáo Lê Quang H phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, nên phải xử lý nghiêm, không những để giáo dục riêng các bị cáo mà còn góp phần vào công tác phòng ngừa chung loại tội phạm này tại địa phương.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Lý A P, Trần Phương L thấy rằng: Bị cáo Phan Văn T là người đứng ra tổ chức ra sòng bạc nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo T thống nhất cùng với các bị cáo L, X, P tổ chức quản lý bàn Sen cô nên hành vi của các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc. Bị cáo Lý A P có 01 tiền án về hành vi đánh bạc nên bị cáo T và bị cáo P phải chịu mức án ngang nhau là phù hợp; Bị cáo Trần Phương L và bị cáo Phu Huy X đều có 01 tiền sự, các bị cáo đồng phạm về tội tổ chức đánh bạc nên bị cáo L và bị cáo X phải chịu mức án ngang nhau và thấp hơn bị cáo T và bị cáo P là phù hợp.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị TH, Trần Nguyễn Thùy D, Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S, Lê Quang H thấy rằng: Các bị cáo Phạm Thị TH và Trần Nguyễn Thùy D đồng phạm về tội đánh bạc theo khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, cả hai bị cáo đều có tiền án nên phải chịu mức án ngang nhau là phù hợp. Các bị cáo Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S đồng phạm về tội đánh bạc theo khoản 2 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên phải chịu mức án ngang bằng nhau là phù hợp. Riêng bị cáo Lê Quang H đánh bạc với số tiền 11.000.000 đồng nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 và chịu mức án nhẹ hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự. Một số bị cáo đã có gia đình nhưng không chịu tu dưỡng, chịu khó làm ăn mà lại thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của bản thân, bất chấp các quy định của pháp luật. Các bị cáo Trần Nguyễn Thùy D, Lý A P, Phạm Thị TH đã có tiền án chưa được xóa án tích. Các bị cáo Trần Phương L, Phu Huy X đều có tiền sự. Bị cáo Khổng Lệnh S có nhân thân xấu về tội đánh bạc. Lẽ ra, các bị cáo phải biết ăn năn, hối lỗi về những hành vi phạm tội của mình trước đây nhưng các bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm và nhất

thiết thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt cho xã hội.

Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Lý A P, Trần Nguyễn Thùy D, Phạm Thị TH đã có tiền án, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nên thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy các bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Lý A P, Trần Phương L, Phạm Thị TH, Vũ Thị T1, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1, Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S, Lê Quang H đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Lý A P sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt. Các bị cáo Phan Văn T, Trần Phương L, Phu Huy X, Lý A P còn tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc và số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ thêm cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Riêng bị cáo Vũ Thị T1 gia đình có công cách mạng nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho bị cáo.

Ngoại trừ bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, còn các bị cáo khác gồm Phan Văn T, Lý A P, Trần Phương L, Trần Nguyễn Thùy D, Nguyễn Thanh S1, Phùng Thị Kim N, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S, Lê Quang H, Phạm Thế D2 là lao động chính trong gia đình có đơn xác nhận của chính quyền địa phương nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1 Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Phạm Thế D2, Sín Kay D1 phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý hành chính. Có nơi cư trú ổn định. Lại có các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên chưa cần thiết phải áp dụng các loại hình phạt hạn chế đến các quyền tự do cơ bản của các bị cáo, mà cho các bị cáo này hưởng án treo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Quang H khi phạm tội có nhân thân xấu về hành vi đánh bạc nhưng hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây tác động nghiêm trọng cho gia đình và xã hội nên cũng chưa cần thiết phải áp dụng các loại hình phạt hạn chế đến các quyền tự do cơ bản của bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Do hành vi của anh Hồ Văn Đ không biết việc ban đất là để cho bị cáo Phan Văn T tổ chức sòng bạc nên không đề cập đến; chị Trần Thị H, chị Thái Thị T1, chị Phạm Thị C không tham gia đánh bạc nên không đề cập đến.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 248, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Đa số các bị cáo trong vụ án đều buôn bán và làm nông, có thu nhập ổn định nên cần áp dụng thêm hình phạt tiền bổ sung để sung quỹ nhà nước (trừ bị cáo Lê Quang H không áp dụng hình phạt tiền bổ sung).

[7]. Về thu lợi bất chính:

Tổng số tiền thu tại chiếu bạc và thu giữ trong người các bị cáo đã bao gồm tiền thu lợi bất chính của các bị cáo nên các bị cáo không phải nộp thêm khoản tiền thu lợi bất chính.

[8] Về vật chứng:

Bị cáo Lê Quang H mang vào sòng bạc 10.000.000 đồng, đánh thắng 1.000.000 đồng. Khi bị bắt quả tang đã làm rơi tại nơi đánh bạc 2.000.000 đồng. Cơ quan điều tra thu giữ trên người của bị cáo 9.000.000 đồng. Số tiền 2000.000 đồng Cơ quan điều tra đã tạm giữ cùng với số tiền trên chiếu bạc nên không đề cập đến.

Số tiền 115.250.000 đồng (gồm tiền thu tại chiếu bạc 50.200.000 đồng, tiền thu giữ trong người các con bạc và tiền thu lợi bất chính tổng cộng là 65.050.000 đồng). Đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền xâu khoảng 4.000.000 đồng bị cáo Phan Văn T thu của các con bạc, khi công an bắt quả tang bị cáo đã vứt số tiền này xuống chiếu bạc và được gom lại trong số tiền tang trên chiếu bạc nên không đề cập đến.

04 chén nhựa màu trắng, 02 đĩa Sứ màu trắng, 04 con vị, 01 búa cán gỗ, 01 thớt gỗ màu vàng, 01 ống sắt màu đen, 01 bộ bài tứ lơ khơ, 25 ghế nhựa, 03 tấm bạc, 01 rựa phát, 01 xà bách là tang vật của vụ án xét giá trị không lớn, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Không Lệnh S; 01 điện thoại di động hiệu Zen Tel màu đỏ - đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S1, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 màu đồng thu giữ của bị cáo Sín Kay D1, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh S1, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu hồng - đen, 01 chùm chìa khóa thu giữ của bị cáo Phạm Thế D2, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu xám thu giữ của bị cáo Vũ Thị T1, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - đen thu giữ của bị cáo Phùng Thị Kim N, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s màu vàng đồng thu giữ của bị cáo Phạm Thị TH, 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu giữ của chị Phạm Thị C (các điện thoại đều kèm theo sim điện thoại). Các tài sản trên không liên quan đến hành vi đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đề cập đến.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen - xám thu giữ của bị cáo Trần Phương L, sau khi cơ quan điều tra trả lại điện thoại cho bị cáo L, điện thoại bị hỏng nên

bị cáo L đã rút bỏ không thu hồi được nên không đề cập đến.

Đối với 01 điện thoại di động của bị cáo Phan Văn T, khi bỏ chạy, bị cáo T đã làm rơi không thu hồi được nên không đề cập đến.

Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A số tiền 9.750.000 đồng. Số tiền trên không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Anh là thỏa đáng nên không đề cập đến.

Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Phùng Thị Kim N số tiền 8.090.000 đồng, trong đó có 590.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do thắng bạc mà có nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 590.000 đồng. Số tiền còn lại 7.500.000 đồng không liên quan đến hành vi đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Nga là thỏa đáng nên không đề cập đến.

Đối với số tiền thu giữ của chị Phạm Thị C 2.040.000 đồng, thu giữ của chị Trần Thị H 28.000 đồng. Quá trình điều tra, xác định số tiền trên không liên quan đến hành vi đánh bạc, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H, chị C là thỏa đáng nên không đề cập đến. Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị C không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên không đề cập đến. Riêng chị Trần Thị H, chị Thái Thị T1 và anh Hồ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nếu sau này các chị có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Văn S1 sinh năm 1957 là người cao tuổi, căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T, Lý A P, Trần Phương L, Phu Huy X phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phan Văn T;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2017 đến 01/9/2017); Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lý A P;

Xử phạt bị cáo Lý A P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

1.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; Các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Phương L;

Xử phạt bị cáo Trần Phương L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 28/5/2017 đến 17/8/2017); Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

1.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; Các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phú Huy X;

Xử phạt bị cáo Phú Huy X 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2. Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1 Nguyễn Văn S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Không Lệnh S, Phạm Thị TH, Trần Nguyễn Thùy D, Lê Quang H phạm tội “Đánh bạc”.

2.1/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm Thị TH.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị TH 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.2/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 30, Điều 33, Điều 53, Điều 20 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Nguyễn Thùy D.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Thùy D 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.3/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Không Lệnh S.

Xử phạt bị cáo Không Lệnh S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 28/5/2017 đến 07/6/2017). Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.4/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46,

Điều 20, Điều 30, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết A 24 (hai mươi bốn) tháng tù (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 28/5/2017 đến 07/6/2017). Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.5/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.6/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Văn S1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.7/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Phùng Thị Kim N.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị Kim N 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.8/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Vũ Thị T1.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.9/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm Thế D2.

Xử phạt bị cáo Phạm Thế D2 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.10/ Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 30, Điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Sín Kay D1.

Xử phạt bị cáo Sín Kay D1 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời

gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án 02/3/2018; Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2.11/ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 30, Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Quang H;

Xử phạt bị cáo Lê Quang H 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thanh S1, Sín Kay D1, Nguyễn Văn S1 cho Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đa Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Thế D2 cho Ủy ban nhân dân xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. *Về vật chứng*: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; tuyên:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 115.250.000đ (một trăm mười lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Tịch thu tiêu huỷ 04 chén nhựa màu trắng, 02 đĩa xứ màu trắng, 04 con vị, 01 búa cán gỗ, 01 thớt gỗ màu vàng, 01 ống sắt màu đen, 01 bộ bài tú lơ khơ, 25 ghế nhựa, 03 tấm bạc, 01 rựa phát, 01 xà bách.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương và giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 04/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.)

4. *Về án phí*: Các bị cáo Phan Văn T, Phu Huy X, Trần Phương L, Lý A P, Phạm Thị TH, Trần Nguyễn Thùy D, Vũ Thị T1, Nguyễn Thanh S1, Phùng Thị Kim N, Nguyễn Thị Tuyết A, Phạm Thế D2, Sín Kay D1, Khổng Lệnh S, Lê Quang H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S1.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án*: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các bị cáo;
- Các đơn vị;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *L-u hồ sơ vụ án.*

Phùng Đình Thuận